TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Ban và ông Nguyễn Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Yến-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-DS ngày 30/10/2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị L, sinh năm 1983-Có mặt.

Địa chỉ: thôn T, xã V, tỉnh S.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1982-Có mặt.

Địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Khoảng tháng 4 năm 2022, do chị Lưu Thị L và anh Phạm Văn S làm ăn chung với nhau về việc thu mua hoa quả nên chị L đã đứng lên mua hàng hoa quả cho anh S nhưng anh S chưa trả tiền. Ngày 27/6/2023, hai bên đã chốt nợ với nhau thể hiện tại Biên bản xác nhận v/v trả nợ và hẹn ngày trả nợ đề ngày 27/2023 và Văn bản đề ngày 27/6/2023. Anh S xác định còn nợ chị L số tiền là 217.212.000 đồng và sẽ trả chị L vào ngày 29/6/2023 và trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày 30/6/2023. Do anh S không thực hiện cam kết trả nợ, chị L đã nhiều lần yêu cầu anh S trả nợ nhưng anh S không trả nên chị L khởi kiện, yêu cầu anh S phải trả cho chị L số tiền nợ gốc là 217.212.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu hai trăm mười hai nghìn đồng chẵn), chị L không yêu cầu anh S phải trả tiền lãi của số tiền này.

Anh Phạm Văn S trình bầy: Do làm ăn chung nên anh S nợ chị L số tiền 217.212.000 đồng. Ngày 27/6/2023, anh S đã viết biên bản nhận nợ với chị L. Cho đến nay anh S xác định vẫn nợ chị L số tiền này. Anh S chấp nhận trả chị L toàn bộ số nợ này nhưng do đang rất khó khăn nên anh S sẽ trả dần cho chị L. Anh S đã được Tòa án cho xem Biên bản xác nhận v/v trả nợ và hẹn ngày trả nợ đề ngày 27/2023, Văn bản đề ngày 27/6/2023 bản phô tô do chị L cung cấp. Anh S xác nhận các chữ ký, chữ viết Soi, Phạm Văn S ở phần Đại diện bên nợ và người viết đơn trong các văn bản này đúng là chữ ký, chữ viết của anh S.

Ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh S trả số nợ gốc là 217.212.000 đồng (Hai trăm mười bẩy triệu hai trăm mười hai nghìn đồng chẵn), nguyên đơn không yêu cầu anh S phải trả tiền lãi của số tiền này.

Ngoài ra chị L không còn yêu cầu nào khác.

Anh S xác định còn nợ chị L số tiền 217.212.000 đồng và nhất trí trả nợ chị L nhưng xin được trả dần do đang khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Phạm Văn S phải trả cho chị Lưu Thị L toàn bộ số tiền nợ gốc là 217.212.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: Do làm ăn chung nên anh S nợ chị L số tiền 217.212.000 đồng. Ngày 27/6/2023, hai bên đã chốt nợ với nhau thể hiện tại Biên bản xác nhận v/v trả nợ và hẹn ngày trả nợ đề ngày 27/2023 và Văn bản đề ngày 27/6/2023. Theo đó anh S xác định còn nợ chị L số tiền là 217.212.000 đồng và sẽ trả chị L vào ngày 29/6/2023 và trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày 30/6/2023. Do anh S không thực hiện cam kết trả nợ, chị L đã nhiều lần yêu cầu anh S trả nợ nhưng anh S không trả nên chị L

khởi kiện, yêu cầu anh S phải trả cho chị L số tiền nợ gốc là 217.212.000 đồng, chị L không yêu cầu anh S phải trả tiền lãi của số tiền này. Anh S xác định vẫn nợ chị L số tiền này. Anh S chấp nhận trả chị L toàn bộ số nợ này nhưng do đang khó khăn nên anh S sẽ trả dần cho chị L. Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nào khác. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị L, lời trình bầy của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ khác thì có căn cứ xác định đây là quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp vay tài sản" mà người khởi kiện là chị L, người bị kiện là anh S. Chị L không yêu cầu anh S phải trả tiền lãi, xét thấy đây là quyền tự định đoạt của chị L nên Hội đồn xét xử không xét về tiền lãi.

[2]. Căn cứ các chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử nhận định: Cả nguyên đơn, bị đơn đều trình bầy cho đến nay anh S còn nợ chị L số tiền nợ gốc là 217.212.000 đồng. Anh S chấp nhận trả chị L toàn bộ số nợ này nhưng do đang rất khó khăn nên anh S sẽ trả dần cho chị L. Căn cứ các chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh S là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 217.212.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L.

Buộc anh Phạm Văn S phải trả cho chị Lưu Thị L toàn bộ số tiền nợ gốc là 217.212.000 đồng (Hai trăm mười bẩy triệu hai trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Anh Phạm Văn S phải chịu 10.860.600 đồng (Mười triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự.

Hoàn trả lại chị Lưu Thị L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002743 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn